



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG**

**Báo cáo tài chính**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**

<b>MỤC LỤC</b>	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 28

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện nhẹ Viễn thông công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Điện nhẹ Viễn thông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 939/QĐ-TCBĐ ngày 11/10/2000 của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000382 ngày 31/05/2001 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 14 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101135243), lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 15/09/2016. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên thị trường Upcom thuộc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán LTC kể từ ngày 05/07/2019. Cổ phiếu của Công ty đã nhiều lần nhận thông báo bị hạn chế giao dịch trên hệ thống giao dịch UpCom do vi phạm về công bố thông tin và lần gần nhất là Thông báo số 1819/TB-SGDHN ngày 20/05/2022 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ: 45.860.000.000 đồng

Vốn góp thực tế đến thời điểm 31/12/2021: 45.860.000.000 đồng

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: 0916.123.988
- Website: [www.ltc.com.vn](http://www.ltc.com.vn)
- Email: [info@ltci.vn](mailto:info@ltci.vn)

### Ngành nghề kinh doanh

- Tư vấn, khảo sát, thiết kế các công trình điện nhẹ viễn thông, điện lạnh, điện tử tin học, các hệ thống chống sét, nội thất;
- Sản xuất kinh doanh phụ kiện xây lắp, vật tư, thiết bị chuyên ngành điện nhẹ viễn thông, tin học;
- Thiết kế kỹ thuật thi công và lập tổng dự toán công trình;
- Thi công xây lắp các công trình: điện nhẹ viễn thông, điện, điện lạnh, điện tử tin học, các hệ thống chống sét, báo cháy, điện nước, thang máy, các công trình thông tin bưu điện, các công trình dân dụng, công nghiệp;
- Thẩm định, thiết kế các công trình: thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông, hệ thống máy tính, mạng thông tin liên lạc, hệ thống camera quan sát; điện nhẹ; viễn thông; điện lạnh; điện tử tin học, các hệ thống chống sét, báo cháy, điện nước, thang máy;
- Đầu tư, lắp đặt, xây dựng và cho thuê cơ sở hạ tầng viễn thông, dịch vụ cho thuê thiết bị viễn thông;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí.



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

### **Nhân sự**

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 10 người. Trong đó nhân viên quản lý 3 người.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

### **Hội đồng quản trị**

• Ông Ngô Trọng Vinh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 10/09/2020
• Ông Ngô Anh Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/06/2018
• Ông Nguyễn Từ Duẩn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/06/2018
• Ông Bùi Trung Liễu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/06/2018
• Ông Trần Đình Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/10/2020
• Bà Lâm Quỳnh Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/10/2020

### **Ban Kiểm soát**

• Ông Nguyễn Trọng Hà	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 29/06/2018
• Ông Hoàng Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/06/2018
• Bà Trần Thị Thu Thủy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/06/2018

### **Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

• Ông Bùi Trung Liễu	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29/06/2018
• Bà Vương Thị Thanh Huyền	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02/06/2021
• Ông Phạm Đức Thương	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01/08/2018

### **Kiểm toán độc lập**

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80 Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).







Số: 713/2022/BCTC-AAC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Điện nhẹ Viễn thông**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính lập ngày 06/06/2022 của Công ty Cổ phần Điện nhẹ Viễn thông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 6 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến****1. Về tính hiện hữu và đúng đắn của các khoản mục:**

- Công ty không thực hiện việc kiểm kê tiền mặt và hàng tồn kho với giá trị lần lượt là 2.329.211.390 đồng và 21.420.131.582 đồng tại thời điểm 31/12/2021. Hạn chế này, kiểm toán viên cũng không thể khắc phục được bằng các thủ tục kiểm toán thay thế do giới hạn phạm vi kiểm toán từ phía Công ty. Toàn bộ hàng tồn kho nêu trên đã tồn đọng từ nhiều năm trước. Tại ngày 31/12/2021, Công ty cũng không thực hiện kiểm kê và đánh giá hàng tồn kho để xác định dự phòng cần trích lập theo quy định. Với tài liệu kế toán hiện có, chúng tôi không đủ cơ sở để xác định số liệu dự phòng cần phải trích lập đối với lượng hàng tồn kho nêu trên.
- Toàn bộ nợ phải thu (số dư 183.753.437.464 đồng), nợ phải trả (số dư 51.963.244.950 đồng) chưa được đối chiếu, xác nhận tại thời điểm 31/12/2021. Hạn chế này chúng tôi cũng không thể khắc phục được bằng các thủ tục kiểm toán thay thế do giới hạn phạm vi kiểm toán từ phía Công ty. Toàn bộ số nợ phải thu nêu trên đã tồn tại từ nhiều năm trước và là nợ khó đòi. Ngoài trừ một số khoản nợ đã được trích lập dự phòng với số tiền 14.636.739.099 đồng, Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi đối với các khoản nợ còn lại. Dựa trên các tài liệu kế toán được cung cấp, kiểm toán viên không thể thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp để xác định khả năng thu hồi của các khoản nợ nêu trên và số liệu dự phòng cần phải trích lập bổ sung.
- Tại ngày kết thúc niên độ kế toán 2021, số dư nợ gốc vay ngắn hạn các cá nhân và tổ chức ghi nhận trên Báo cáo tài chính là 18.664.189.570 đồng và 9.965.128.531 đồng, số dư nợ lãi tương ứng là 1.443.729.466 đồng (xem mục (\*) của Thuyết minh số 19). Các số dư nêu trên chưa được đối chiếu, xác nhận tại ngày 31/12/2021; Hạn chế này chúng tôi cũng không thể khắc phục được bằng các thủ tục kiểm toán thay thế do giới hạn phạm vi kiểm toán từ phía Công ty. Ngoài ra, Kiểm toán viên chưa được cung cấp hồ sơ liên quan đến các khoản vay trên; Chi phí lãi vay tương ứng với các khoản vay này chưa được ghi nhận vào kết quả kinh doanh năm 2021.



Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và tính đúng đắn của các khoản mục nêu trên cũng như sự ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác có liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

- Như đã trình bày tại Thuyết minh số 19, trong tổng chi phí phải trả ngắn hạn tại ngày 31/12/2021 là 54.948.387.252 đồng đã bao gồm 39.724.170.464 đồng là chi phí trích trước đã ghi nhận vào giá vốn xây lắp các năm trước đây. Do hạn chế về phạm vi kiểm toán, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá tính đúng đắn của khoản mục này.
- Như trình bày tại mục (\*) của Thuyết minh số 18, Công ty phản ánh số thuế phải nộp tại 31/12/2021 là 18.130.857.522 đồng. Tuy nhiên, theo Giấy mời số 8829/GM-CTHN-TTKT3 ngày 25/03/2021 của Cục thuế Thành phố Hà Nội về việc tình hình nợ thuế của doanh nghiệp thì số tiền nợ thuế và tiền chậm nộp quá hạn bị cưỡng chế của công ty là 39.614.301.172 đồng, chênh lệch 21.483.443.650 đồng. Do giới hạn phạm vi kiểm toán, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về khoản phải nộp ngân sách nêu trên.
- Như trình bày tại mục (\*) của Thuyết minh số 6, trong tổng số dư tiền gửi ngân hàng của Công ty tại ngày 31/12/2021 có 1.004.445.555 đồng là khoản tiền gửi mang tên đồng sở hữu của 2 cá nhân (Nguyễn Ngọc Thu và Phạm Đức Thương) thay vì mang tên Công ty. Việc ghi nhận tài sản với tên người sở hữu là cá nhân khác trên báo cáo tài chính của Công ty là không phù hợp điều kiện ghi nhận tài sản của Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành.

#### **Từ chối đưa ra ý kiến**

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính đính kèm.

#### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

- Chúng tôi xin lưu ý đến vấn đề trình bày tại Thuyết minh số 3, Báo cáo tài chính đính kèm là Báo cáo tài chính năm 2021 của riêng Công ty mẹ. Báo cáo tài chính này cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 để người sử dụng có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 4 “Giả định hoạt động liên tục”, Báo cáo tài chính đính kèm đã được lập dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục. Ngày 17/12/2020, Cục thuế Thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 107973/QĐ-CTHN-QLT về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn đối với trụ sở chính Công ty với lý do có số tiền thuế nợ quá hạn nộp phải thực hiện cưỡng chế theo quy định của Luật quản lý thuế là 38.703.220.015 đồng, tính đến ngày 25/03/2021 là 39.614.301.172 đồng (theo Giấy mời số 8829/GM-CTHN-TTKT3 ngày 25/03/2021), thời hạn thi hành là từ ngày 17/12/2020 đến 16/12/2021. Ngoài ra, hầu hết các khoản nợ phải thu của Công ty quá hạn nhiều năm chưa thu hồi được và các khoản nợ phải trả cũng quá hạn thanh toán. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến kiểm toán từ chối của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC**



**Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2018-010-1  
Đà Nẵng, ngày 10 tháng 06 năm 2022

**Đinh Thị Ngọc Thùy – Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1463-2018-010-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>194.261.850.295</b>	<b>194.276.556.804</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>3.437.535.249</b>	<b>3.441.907.078</b>
1. Tiền	111	6	3.437.535.249	3.441.907.078
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>169.303.090.306</b>	<b>169.303.090.306</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	81.553.417.293	81.553.417.293
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	20.232.534.752	20.232.534.752
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	81.967.485.419	81.967.485.419
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(14.636.739.099)	(14.636.739.099)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		186.391.941	186.391.941
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>21.420.131.582</b>	<b>21.420.131.582</b>
1. Hàng tồn kho	141		21.420.131.582	21.420.131.582
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>101.093.158</b>	<b>111.427.838</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	10.529.193
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		101.093.158	100.898.645
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>28.261.315.576</b>	<b>28.895.041.343</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>7.844.460.196</b>	<b>8.252.495.650</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.132.254.196	1.540.289.650
- Nguyên giá	222		6.777.501.605	6.777.501.605
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.645.247.409)	(5.237.211.955)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	6.712.206.000	6.712.206.000
- Nguyên giá	228		6.712.206.000	6.712.206.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>13</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	231		563.856.890	563.856.890
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(563.856.890)	(563.856.890)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>14</b>	<b>20.330.492.540</b>	<b>20.469.820.013</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.700.000	900.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		19.813.400.000	19.813.400.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.675.000.000	1.675.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.159.607.460)	(1.019.479.987)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>86.362.840</b>	<b>172.725.680</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	86.362.840	172.725.680
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>222.523.165.871</b>	<b>223.171.598.147</b>


**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

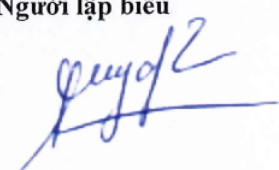
Ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>180.440.896.189</b>	<b>176.870.159.640</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>180.440.896.189</b>	<b>176.870.159.640</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	12.135.897.029	12.135.897.029
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	3.075.629.033	3.075.629.033
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	18.130.857.522	18.127.857.522
4. Phải trả người lao động	314		1.720.029.942	1.729.253.142
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	54.948.387.252	51.412.821.251
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	36.751.718.888	36.710.325.140
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	53.639.318.101	53.639.318.101
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		39.058.422	39.058.422
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>42.082.269.682</b>	<b>46.301.438.507</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>42.082.269.682</b>	<b>46.301.438.507</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	22	45.860.000.000	45.860.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		45.860.000.000	45.860.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	22	4.913.796.070	4.913.796.070
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	22	2.801.281.768	2.801.281.768
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22	(11.492.808.156)	(7.273.639.331)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(7.273.639.331)	(1.775.838.019)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(4.219.168.825)	(5.497.801.312)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>222.523.165.871</b>	<b>223.171.598.147</b>

**Tổng Giám đốc**  
  
  
**Bùi Trung Liễu**

Hà Nội, ngày 06 tháng 06 năm 2022

**Kế toán trưởng**  
  
**Phạm Đức Thường**

**Người lập biểu**  
  
**Nghiêm Thị Phương Dung**



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

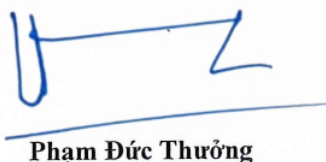
Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01		-	247.139.485
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		-	247.139.485
4. Giá vốn hàng bán	11		-	184
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		-	<b>247.139.301</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	709.985	163.107
7. Chi phí tài chính	22	24	3.675.693.474	5.148.951.213
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.535.566.001	5.148.951.213
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	389.639.882	567.914.042
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<b>(4.064.623.371)</b>	<b>(5.469.562.847)</b>
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		154.545.454	28.238.465
13. Lợi nhuận khác	40		<b>(154.545.454)</b>	<b>(28.238.465)</b>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<b>(4.219.168.825)</b>	<b>(5.497.801.312)</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<b>(4.219.168.825)</b>	<b>(5.497.801.312)</b>

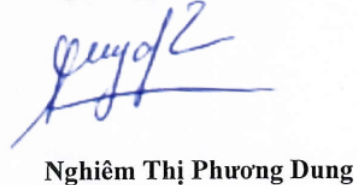
**Tổng Giám đốc**  
  
**Bùi Trung Liễu**

Hà Nội, ngày 06 tháng 06 năm 2022

**Kế toán trưởng**

  
**Phạm Đức Thương**

**Người lập biểu**

  
**Nghiêm Thị Phương Dung**



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(4.219.168.825)	(5.497.801.312)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao Tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	12	408.035.454	408.035.636
- Các khoản dự phòng	03		140.127.473	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	23	(709.985)	(163.107)
- Chi phí lãi vay	06	24	3.535.566.001	5.148.951.213
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		(136.149.882)	59.022.430
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(194.513)	(163.947.000)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		35.170.548	81.540.929
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		96.892.033	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>(4.281.814)</b>	<b>(23.383.641)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	14	(800.000)	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	23	709.985	163.107
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(90.015)</b>	<b>163.107</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	50.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(50.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50		<b>(4.371.829)</b>	<b>(23.220.534)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6	3.441.907.078	3.465.127.612
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70	6	<b>3.437.535.249</b>	<b>3.441.907.078</b>

**Tổng Giám đốc**  
  
**Bùi Trung Liễu**

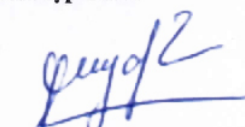
Hà Nội, ngày 06 tháng 06 năm 2022

**Kế toán trưởng**



**Phạm Đức Thuởng**

**Người lập biểu**



**Nghiêm Thị Phương Dung**

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành  
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Điện nhẹ Viễn thông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 939/QĐ-TCBĐ ngày 11/10/2000 của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000382 ngày 31/05/2001 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 14 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101135243), lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 15/09/2016. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên thị trường Upcom thuộc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán LTC kể từ ngày 05/07/2019. Cổ phiếu của Công ty đã nhiều lần nhận thông báo bị hạn chế giao dịch trên hệ thống giao dịch UpCom do vi phạm về công bố thông tin và lần gần nhất là Thông báo số 1819/TB-SGDHN ngày 20/05/2022 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh

- Tư vấn, khảo sát, thiết kế các công trình điện nhẹ viễn thông, điện lạnh, điện tử tin học, các hệ thống chống sét, nội thất;
- Sản xuất kinh doanh phụ kiện xây lắp, vật tư, thiết bị chuyên ngành điện nhẹ viễn thông, tin học;
- Thiết kế kỹ thuật thi công và lập tổng dự toán công trình;
- Thi công xây lắp các công trình: điện nhẹ viễn thông, điện, điện lạnh, điện tử tin học, các hệ thống chống sét, báo cháy, điện nước, thang máy, các công trình thông tin bưu điện, các công trình dân dụng, công nghiệp;
- Thăm định, thiết kế các công trình: thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông, hệ thống máy tính, mạng thông tin liên lạc, hệ thống camera quan sát; điện nhẹ; viễn thông; điện lạnh; điện tử tin học, các hệ thống chống sét, báo cháy, điện nước, thang máy;
- Đầu tư, lắp đặt, xây dựng và cho thuê cơ sở hạ tầng viễn thông, dịch vụ cho thuê thiết bị viễn thông;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí.

#### 1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có một đơn vị trực thuộc là Chi nhánh Công ty Cổ phần Điện nhẹ Viễn thông – Xí nghiệp LTC I, một công ty con là Công ty CP Đầu tư Điện nhẹ Viễn thông và một Công ty liên kết là Công ty CP Cấp và Thiết bị Viễn Thông.

### 2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có công ty con; Theo đó, năm 2021 Công ty lập đồng thời Báo cáo tài chính của riêng Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất. Người sử dụng Báo cáo nên đọc Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

### 4. Giả định về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính đã được lập dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Ngày 17/12/2020, Cục thuế Thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 107973/QĐ-CTHN-QLT về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn đối với trụ sở chính Công ty với lý do có số tiền thuế nợ quá hạn nộp phải thực hiện cưỡng chế theo quy định của Luật quản lý thuế là 38.703.220.015 đồng, tính đến ngày 25/03/2021 là 39.614.301.172 đồng (theo Giấy mời số 8829/GM-CTHN-TTKT3 ngày 25/03/2021), thời hạn thi hành là từ ngày 17/12/2020 đến 16/12/2021. Ngoài ra, hầu hết các khoản nợ phải thu của Công ty quá hạn nhiều năm chưa thu hồi được và các khoản nợ phải trả cũng quá hạn thanh toán. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Theo đó, Công ty có thể sẽ không thực hiện được giá trị tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong điều kiện kinh doanh bình thường.

Để khắc phục tình trạng này, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã và đang thực hiện các biện pháp như sau:

- Thực hiện chủ trương thoái vốn vào công ty liên kết theo Nghị quyết số 01/2018/NQ/ĐHĐCĐ ngày 29/06/2018 của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2018;
- Thực hiện bù đắp lỗ lũy kế đến năm 2017 từ việc sử dụng Thặng dư vốn cổ phần;
- Bổ sung ngành nghề kinh doanh mới và sửa đổi điều lệ của Công ty để phù hợp với ngành nghề kinh doanh;
- Tiếp tục tìm kiếm khách hàng để thực hiện sản xuất kinh doanh trong thời gian tiếp theo, tạo doanh thu và ủy quyền cho Xí nghiệp Điện nhẹ Viễn thông I thực hiện;
- Thực hiện quyết toán các công trình tồn đọng và thu hồi công nợ.

Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong các năm tài chính tiếp theo. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn tiến hành lập báo cáo tài chính trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục

### 5. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

#### 5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **5.2 Các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác***

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Mỗi quan hệ là công ty con thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của công ty liên kết nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mỗi quan hệ là công ty liên kết thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

#### ***Dự phòng***

Dự phòng đối với khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn. Việc trích lập dự phòng khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào khoản lỗ của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

### **5.3 Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### **5.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền, riêng chi phí sản xuất kinh doanh dở dang các công trình xây lắp được tính theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

### 5.5 Tài sản cố định hữu hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	25
Máy móc, thiết bị	3 – 10
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5

### 5.6 Tài sản cố định vô hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### *Quyền sử dụng đất*

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### *Khấu hao*

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

### **5.7 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Riêng các bất động sản đầu tư chờ tăng giá để bán được phản ánh theo giá trị ghi sổ sau khi trừ đi phần tổn thất do giảm giá trị.

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê theo hoạt động thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Công ty. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Trạm BTS	10

### **5.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### **5.9 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

### 5.10 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 5.11 Vay và các khoản nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

#### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### 5.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

#### Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

### 5.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
- ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

### 5.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

### 5.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chi phí lãi tiền vay, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

### 5.16 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### 5.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong niên độ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

### 5.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng thuế suất 10% đối với hoạt động dịch vụ.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 5.19 Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng và phải thu khác.

##### Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

#### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 5.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát (trực tiếp hoặc gián tiếp) hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

## 6. Tiền

	31/12/2021	01/01/2021
Tiền mặt	2.329.211.390	2.329.467.279
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)	1.108.323.859	1.112.439.799
<b>Cộng</b>	<b>3.437.535.249</b>	<b>3.441.907.078</b>

(\*) Trong đó số dư tài khoản tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2021 mang tên Nguyễn Ngọc Thu và Phạm Đức Thương là 1.004.445.555 đồng.

## 7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2021	01/01/2021
Ban điều hành gói thầu PK 2	22.136.337.381	22.136.337.381
Ban quản lý Dự án tỉnh Thái Nguyên	12.216.440.793	12.216.440.793
Thầu TK và XD công trình GS	9.352.190.099	9.352.190.099
Các đối tượng khác	37.848.449.020	37.848.449.020
<b>Cộng</b>	<b>81.553.417.293</b>	<b>81.553.417.293</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty TNHH Minh Phúc	13.417.025.101	13.417.025.101
Các đối tượng khác	6.815.509.651	6.815.509.651
<b>Cộng</b>	<b>20.232.534.752</b>	<b>20.232.534.752</b>

### 9. Phải thu khác ngắn hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	61.134.847.741	-	61.134.847.741	-
Ký cược, ký quỹ	600.000	-	600.000	-
Phải thu khác	20.832.037.678	11.770.935.724	20.832.037.678	11.770.935.724
<b>Cộng</b>	<b>81.967.485.419</b>	<b>11.770.935.724</b>	<b>81.967.485.419</b>	<b>11.770.935.724</b>

### 10. Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.001.964.978	-	3.001.964.978	-
Chi phí SX, KD dở dang	18.418.166.604	-	18.418.166.604	-
<b>Cộng</b>	<b>21.420.131.582</b>	<b>-</b>	<b>21.420.131.582</b>	<b>-</b>

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2021.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	1.000.000.000	2.377.216.593	3.217.547.740	143.636.363	39.100.909	6.777.501.605
Mua sắm trong năm	-	-	-	-	-	-
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>2.377.216.593</b>	<b>3.217.547.740</b>	<b>143.636.363</b>	<b>39.100.909</b>	<b>6.777.501.605</b>
<b>Khấu hao</b>						
Số đầu năm	193.333.325	2.088.364.483	2.772.776.875	143.636.363	39.100.909	5.237.211.955
Khấu hao trong năm	40.000.000	154.545.454	213.490.000	-	-	408.035.454
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>233.333.325</b>	<b>2.242.909.937</b>	<b>2.986.266.875</b>	<b>143.636.363</b>	<b>39.100.909</b>	<b>5.645.247.409</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	806.666.675	288.852.110	444.770.865	-	-	1.540.289.650
<b>Số cuối năm</b>	<b>766.666.675</b>	<b>134.306.656</b>	<b>231.280.865</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.132.254.196</b>

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 2.097.147.060 đồng.

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2021 là 900.973.331 đồng.

### 12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu năm	6.712.206.000	6.712.206.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>6.712.206.000</b>	<b>6.712.206.000</b>
<b>Khấu hao</b>		
Số đầu năm	-	-
Khấu hao trong năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu năm	6.712.206.000	6.712.206.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>6.712.206.000</b>	<b>6.712.206.000</b>

Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2021 là 6.712.206.000 đồng.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 13. Bất động sản đầu tư cho thuê

	Trạm BTS	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu năm	563.856.890	563.856.890
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>563.856.890</b>	<b>563.856.890</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>		
Số đầu năm	563.856.890	563.856.890
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>563.856.890</b>	<b>563.856.890</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu năm	-	-
<b>Số đánh giá lại cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Truyềt minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

#### 14. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2021			01/01/2021		
	Tình hình hoạt động	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con			1.700.000	-	900.000	-
- Công ty CP Đầu tư Điện nhệ Viễn thông	Đang hoạt động	98.000	1.700.000	-	900.000	-
Đầu tư vào Cty l.doanh, l.kết			19.813.400.000	562.607.460	19.813.400.000	422.479.987
- Công ty CP Cấp và Thiết bị Viễn thông	Đang hoạt động	1.981.340	19.813.400.000	562.607.460	19.813.400.000	422.479.987
Đầu tư vào đơn vị khác			1.675.000.000	597.000.000	1.675.000.000	597.000.000
- Công ty CP Cadico	Đang hoạt động	10.684	1.078.000.000	-	1.078.000.000	-
- Công ty CP Liên doanh Điện nhệ Viễn thông	Đang hoạt động	59.700	597.000.000	597.000.000	597.000.000	597.000.000
<b>Cộng</b>			<b>21.490.100.000</b>	<b>1.159.607.460</b>	<b>21.489.300.000</b>	<b>1.019.479.987</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 15. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	86.362.840	172.725.680
<b>Cộng</b>	<b>86.362.840</b>	<b>172.725.680</b>

### 16. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Bùi Phương Huế	2.730.000.000	2.730.000.000
Công ty TNHH Cung cấp vật tư thiết bị xây dựng Minh Lê	2.200.000.000	2.200.000.000
Công ty TNHH Nam Phát	1.876.239.750	1.876.239.750
Các đối tượng khác	5.329.657.279	5.329.657.279
<b>Cộng</b>	<b>12.135.897.029</b>	<b>12.135.897.029</b>

### 17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty CP Hạ tầng viễn thông CMC	177.818.850	177.818.850
Công ty CP Tập đoàn Khang Thông	370.000.000	370.000.000
Công ty CP Thiết kế XD & TM Hà Thành	500.000.000	500.000.000
Công ty TNHH Quản lý Xây dựng Vincom 1	765.604.271	765.604.271
Các đối tượng khác	1.262.205.912	1.262.205.912
<b>Cộng</b>	<b>3.075.629.033</b>	<b>3.075.629.033</b>

### 18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	8.888.866.510	-	-	8.888.866.510
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.504.604.769	-	-	7.504.604.769
Thuế thu nhập cá nhân	1.094.779.100	-	-	1.094.779.100
Các loại thuế khác	10.000.000	3.000.000	-	13.000.000
Phí và lệ phí	629.607.143	-	-	629.607.143
<b>Cộng</b>	<b>18.127.857.522</b>	<b>3.000.000</b>	<b>-</b>	<b>18.130.857.522</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

(\*) Tại ngày 31/12/2021, Công ty ghi nhận tổng số thuế phải nộp là 18.130.857.522 đồng. Tuy nhiên, theo Giấy mời số 8829/GM-CTHN-TTKT3 ngày 25/03/2021 của Cục thuế Thành phố Hà Nội về việc tình hình nợ thuế của doanh nghiệp thì số tiền nợ thuế và tiền chậm nộp quá hạn bị cưỡng chế của Công ty là 39.614.301.172 đồng, chênh lệch 21.483.443.650 đồng.

### 19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Trích trước giá vốn công trình xây lắp	39.724.170.464	39.724.170.464
Chi phí lãi vay, lãi chậm trả (*)	15.224.216.788	11.688.650.787
<b>Cộng</b>	<b>54.948.387.252</b>	<b>51.412.821.251</b>

(\*) Trong đó lãi vay phải trả cho các khoản vay cá nhân và tổ chức khác tại ngày 31/12/2021 là 1.443.729.466 đồng.

### 20. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021	01/01/2021
Kinh phí công đoàn	172.258.218	172.258.218
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	2.646.506.264	2.605.912.516
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	173.288.812	173.288.812
Các khoản phải trả, phải nộp khác	33.759.665.594	33.758.865.594
<b>Cộng</b>	<b>36.751.718.888</b>	<b>36.710.325.140</b>

### 21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay ngắn hạn	53.639.318.101	-	-	53.639.318.101
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (*)	25.010.000.000	-	-	25.010.000.000
- Tổ chức khác	9.965.128.531	-	-	9.965.128.531
- Vay cá nhân	18.664.189.570	-	-	18.664.189.570
<b>Cộng</b>	<b>53.639.318.101</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>53.639.318.101</b>

(\*) Khoản vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long để bổ sung nguồn vốn kinh doanh với lãi suất thay đổi theo từng kế ước vay, thời hạn vay dưới 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất tại Khu đô thị mới Văn Khê và một số TSCĐ hữu hình của Công ty. Hiện tại khoản vay đã quá hạn thanh toán.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 22. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2020	45.860.000.000	4.913.796.070	2.801.281.768	(1.775.838.019)	51.799.285.679
Tăng trong năm	-	-	-	(5.497.801.312)	(5.497.801.312)
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2020</b>	<b>45.860.000.000</b>	<b>4.913.796.070</b>	<b>2.801.281.768</b>	<b>(7.273.639.331)</b>	<b>46.301.484.367</b>
Số dư tại 01/01/2021	45.860.000.000	4.913.796.070	2.801.281.768	(7.273.639.331)	46.301.438.507
Tăng trong năm	-	-	-	(4.219.168.825)	(4.219.168.825)
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2021</b>	<b>45.860.000.000</b>	<b>4.913.796.070</b>	<b>2.801.281.768</b>	<b>(11.492.808.156)</b>	<b>42.082.269.682</b>

#### b. Cổ phiếu

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.586.000	4.586.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.586.000	4.586.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.586.000	4.586.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.586.000	4.586.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.586.000	4.586.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND

#### c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	(7.273.639.331)	(1.775.838.019)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm này	(4.219.168.825)	(5.497.801.312)
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm</b>	<b>(11.492.808.156)</b>	<b>(7.273.639.331)</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	709.985	163.107
<b>Cộng</b>	<b>709.985</b>	<b>163.107</b>

### 24. Chi phí tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí lãi vay	3.535.566.001	5.148.951.213
Trích lập dự phòng tổn thất đầu tư	140.127.473	-
<b>Cộng</b>	<b>3.675.693.474</b>	<b>5.148.951.213</b>

### 25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021	Năm 2020
Tiền lương và các khoản trích theo lương	18.885.600	141.365.480
Chi phí khấu hao tài sản cố định	253.490.000	408.035.452
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	1.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	114.264.282	17.513.110
<b>Cộng</b>	<b>389.639.882</b>	<b>567.914.042</b>

### 26. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021	Năm 2020
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(4.219.168.825)	(5.497.801.312)
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	251.437.487	-
- Điều chỉnh tăng	251.437.487	-
+ Chi phí khấu hao bị loại trừ	154.545.454	-
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ khác	96.892.033	-
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	(3.967.731.338)	(5.497.801.312)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 27. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
Chi phí nhân công	18.885.600	141.365.480
Chi phí khấu hao tài sản cố định	253.490.000	408.035.636
Chi phí dịch vụ mua ngoài	114.264.282	17.513.110
Chi phí khác bằng tiền	3.000.000	1.000.000
<b>Cộng</b>	<b>389.639.882</b>	<b>567.914.226</b>

### 28. Quản lý rủi ro

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về tỷ giá, rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Do không có giao dịch và số dư ngoại tệ và không phát sinh doanh thu nên hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất.

##### *Quản lý rủi ro về lãi suất*

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Hiện nay, tất cả các khoản vay của Công ty đã quá hạn thanh toán, lãi suất vay áp dụng là 150% mức lãi suất trong hạn. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty có rủi ro lớn khi có biến động lãi suất.

##### *Quản lý rủi ro về giá*

Trong năm Công ty không phát sinh hoạt động kinh doanh do đó nguyên liệu phục vụ sản xuất kinh doanh không đáng kể. Nên Công ty ít chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá.

##### *Quản lý rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Hầu hết các khoản nợ của Công ty đều quá hạn thanh toán theo hợp đồng. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty có rủi ro lớn về khả năng thu hồi một số khoản nợ phải thu.

##### *Quản lý rủi ro thanh khoản*

Tại ngày 31/12/2021, tài sản tài chính thấp hơn đáng kể so với nợ phải trả tài chính. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty có rủi ro thanh khoản và gặp khó khăn trong việc quản lý dòng tiền trong tương lai.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

<u>31/12/2021</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Phải trả người bán	12.135.897.029	-	12.135.897.029
Chi phí phải trả	54.948.387.252	-	54.948.387.252
Vay và nợ thuê tài chính	53.639.318.101	-	53.639.318.101
Phải trả khác	33.932.954.406	-	33.932.954.406
<b>Cộng</b>	<b>154.656.556.788</b>	<b>-</b>	<b>154.656.556.788</b>

<u>01/01/2021</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Phải trả người bán	12.135.897.029	-	12.135.897.029
Chi phí phải trả	51.412.821.251	-	51.412.821.251
Vay và nợ thuê tài chính	53.639.318.101	-	53.639.318.101
Phải trả khác	33.932.154.406	-	33.932.154.406
<b>Cộng</b>	<b>151.120.190.787</b>	<b>-</b>	<b>151.120.190.787</b>

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

<u>31/12/2021</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.437.535.249	-	3.437.535.249
Đầu tư tài chính	-	1.078.000.000	1.078.000.000
Phải thu khách hàng	78.687.613.918	-	78.687.613.918
Phải thu khác	9.061.701.954	-	9.061.701.954
<b>Cộng</b>	<b>91.186.851.121</b>	<b>1.078.000.000</b>	<b>92.264.851.121</b>

<u>01/01/2021</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.441.907.078	-	3.441.907.078
Đầu tư tài chính	-	1.078.000.000	1.078.000.000
Phải thu khách hàng	78.687.613.918	-	78.687.613.918
Phải thu khác	9.061.701.954	-	9.061.701.954
<b>Cộng</b>	<b>91.191.222.950</b>	<b>1.078.000.000</b>	<b>92.269.222.950</b>

### 29. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 30. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi AAC.



**Tổng Giám đốc**

**Bùi Trung Liễu**

Hà Nội, ngày 06 tháng 06 năm 2022

**Kế toán trưởng**

**Phạm Đức Thương**

**Người lập biểu**

**Nghiêm Thị Phương Dung**